

phq
**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *2548* /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày *24* tháng 7 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 65/2017/NQ-HĐND ngày 07/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định về phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí ngày 25/11/2015;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23/8/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14/6/2017 của Chính phủ về việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường;

Thông tư số 34/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về xây dựng, quản lý, khai thác hệ thống thông tin đất đai;

Căn cứ Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 65/2017/NQ-HĐND ngày 07/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định về phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Văn bản số 4011/STNMT-KHTC ngày 12/7/2017 về trình phê duyệt Quyết định tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số HĐND tỉnh quy định về phí, lệ phí thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Triển khai thực hiện Nghị quyết số 65/2017/NQ-HĐND ngày 07/7/2017 của HĐND tỉnh Đồng Nai quy định về phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (đính kèm theo Nghị quyết số 65/2017/NQ-HĐND ngày 07/7/2017 của HĐND tỉnh Đồng Nai):

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành, địa phương tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết nêu trên, hàng năm đánh giá kết quả thực hiện và báo cáo UBND tỉnh để báo HĐND tỉnh tại kỳ họp cuối năm theo quy định.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/8/2017.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã Long Khánh, thành phố Biên Hòa và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh (báo cáo);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Chánh, Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT, TH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Quốc Hùng

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

Số: 65/2017/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đồng Nai, ngày 07 tháng 7 năm 2017

UBND TỈNH ĐỒNG NAI	
ĐẾN	Số: 1965/TĐ
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM	
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc	
19/7/17	

NGHỊ QUYẾT

**Quy định về phí khai thác và sử dụng
tài liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI
KHÓA IX - KỲ HỌP THỨ 4**

- Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*
Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;
Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;
Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;
Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;
Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;
Căn cứ Nghị định số 73/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 06 năm 2017 của Chính phủ về việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường;
Căn cứ Thông tư số 34/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về xây dựng, quản lý, khai thác hệ thống thông tin đất đai;
Căn cứ Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
Xét Tờ trình số 5600/TTr-UBND ngày 12 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định mức thu phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định về phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai trên địa bàn tỉnh Đồng Nai với một số nội dung như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về đối tượng áp dụng, đối tượng miễn nộp phí, mức thu phí, mức trích phí, đơn vị tổ chức thu phí, công khai chế độ thu phí, chế độ thu nộp và quản lý sử dụng phí khai thác và sử dụng tài liệu về đất đai trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

b) Đối tượng áp dụng

- Cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý hồ sơ, tài liệu về đất đai trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác và sử dụng tài liệu đất đai được cơ quan có thẩm quyền cung cấp.

2. Đối tượng miễn nộp phí

a) Lãnh đạo Đảng, Nhà nước trực tiếp chỉ đạo yêu cầu cung cấp thông tin trong trường hợp khẩn cấp để phục vụ cho mục đích quốc phòng và an ninh.

b) Bộ Tài nguyên và Môi trường, các cơ quan tài nguyên và môi trường ở địa phương, Ủy ban nhân dân các cấp được cung cấp thông tin đất đai để thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về đất đai thuộc phạm vi quản lý của mình.

c) Các cơ quan của Đảng, cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội được cung cấp thông tin đất đai để thực hiện các nhiệm vụ chính trị thuộc chức năng của mình.

d) Các tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác và sử dụng các loại tài liệu đất đai trong các trường hợp sau: Danh mục dữ liệu có trong cơ sở dữ liệu đất đai; thông tin về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt; khung giá đất, bảng giá đất đã công bố; thông tin về các thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai; các văn bản quy phạm pháp luật về đất đai.

đ) Người có công với cách mạng, người cao tuổi, người khuyết tật, đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặt biệt khó khăn và các hộ nghèo trên địa bàn tỉnh.

3. Tổ chức thu phí

- Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh và 11 Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai các huyện, thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa.

- Trung tâm Công nghệ Thông tin thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

4. Mức thu phí

Mức thu phí tại phụ lục kèm theo Nghị quyết này.

5. Mức trích phí

Đơn vị thu phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai được trích để lại 70% trên tổng số tiền phí thu được và nộp 30% vào ngân sách nhà nước.

6. Quản lý sử dụng phí

Đơn vị thu phí thực hiện thu, nộp, quản lý và sử dụng phí theo các quy định hiện hành.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực HĐND tỉnh, các Ban HĐND tỉnh, các Tổ đại biểu HĐND tỉnh và đại biểu HĐND tỉnh có trách nhiệm giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này theo quy định.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên vận động tổ chức và nhân dân cùng tham gia giám sát việc thực hiện Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng của nhân dân kiến nghị đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định pháp luật.

Điều 3. Điều khoản thi hành

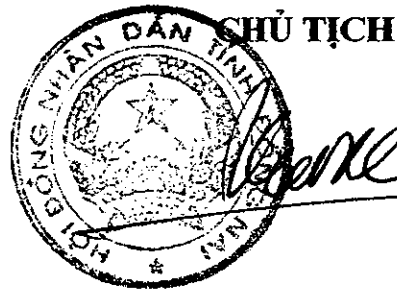
1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2017.

2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 162/2015/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2015 và Nghị quyết số 118/2014/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai của HĐND tỉnh.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Đồng Nai Khóa IX, Kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 07 tháng 7 năm 2017. *ll*

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội (A+B);
- Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ (A+B);
- Bộ Tư pháp;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Đồng Nai;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN và các đoàn thể;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Các sở, ban ngành của tỉnh;
- TT.HĐND, UBND cấp huyện;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Báo, Đài PT-TH Đồng Nai;
- Lưu: VT.



Nguyễn Phú Cường

**BIỂU MỨC THU****Phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai**Ban hành kèm theo Nghị quyết số 65/2017/NQ-HĐND
ngày 07 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai

STT	LOẠI TÀI LIỆU	ĐVT	MỨC THU PHÍ (Đồng)			
			Cung cấp trực tiếp		Cung cấp qua đường bưu điện, trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử	
			Đối với thông tin dạng giấy	Đối với thông tin dạng số	Đối với thông tin dạng giấy	Đối với thông tin dạng số
I	Hồ sơ tài liệu đất đai					
1	Hồ sơ giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất	01 trang	38.000	31.000	39.000	33.000
2	Hồ sơ thanh tra, kiểm tra, giải quyết tranh chấp, khiếu nại về đất đai	01 trang	38.000	31.000	39.000	33.000
3	Hồ sơ địa chính	01 trang	38.000	31.000	39.000	33.000
4	Hồ sơ thống kê đất đai, kiểm kê đất đai	01 trang	38.000	31.000	39.000	33.000
5	Hồ sơ đánh giá đất	01 trang	38.000	31.000	39.000	33.000
6	Hồ sơ thẩm định và bồi thường	01 trang	38.000	31.000	39.000	33.000
7	Hồ sơ chồng ghép quy hoạch chi tiết lên bản đồ địa chính	01 trang	38.000	31.000	39.000	33.000
8	Hồ sơ các dự án khác và đề tài nghiên cứu khoa học về đất đai	01 trang	38.000	31.000	39.000	33.000
9	Số liệu phân hạng, đánh giá đất	01 trang	38.000	31.000	39.000	33.000
10	Số liệu tài liệu thổ nhượng	01 trang	38.000	31.000	39.000	33.000
11	Số liệu tài liệu bản đồ đất	01 trang	38.000	31.000	39.000	33.000
12	Số liệu điều tra về giá đất	01 trang	38.000	31.000	39.000	33.000
13	Atlas Đồng Nai	01 trang	38.000	31.000	39.000	33.000

14	Thông tin về giá của thửa đất	01 trang	38.000	31.000	39.000	33.000
15	Thông tin chi tiết của thửa đất	01 trang	38.000	31.000	39.000	33.000
16	Tài liệu kết quả đấu giá quyền sử dụng đất	01 trang	38.000		39.000	
II	Các loại bản đồ					
1	Bản đồ phân hạng đất	01 mảnh	94.000	77.000	99.000	80.000
2	Bản đồ thổ nhưỡng, bản đồ đất	01 mảnh	94.000	77.000	99.000	80.000
3	Bản đồ hiện trạng sử dụng đất	01 mảnh		77.000		80.000
4	Bản đồ Quy hoạch sử dụng đất	01 mảnh		77.000		80.000
5	Bản đồ địa chính	01 mảnh	94.000	77.000	99.000	80.000
6	Các loại bản đồ trong Atlas Đồng Nai	01 mảnh	94.000	77.000	99.000	80.000
7	Chồng ghép quy hoạch chi tiết lên bản đồ địa chính	01 mảnh	94.000	77.000	99.000	80.000
8	Bản đồ chuyên đề	01 mảnh	94.000	77.000	99.000	80.000
III	Hồ sơ khác					
1	Cơ sở dữ liệu quản lý đất đai	10 thửa	44.000		47.000	

Ghi chú:

- Mức trên tính cho 01 trang, khi số trang tăng thêm mỗi trang tăng thêm tính bằng 0,11.

- Mức phí tính cho 01 mảnh, khi số mảnh tăng thêm mỗi mảnh tăng thêm tính bằng 0,11.

- Mức phí tính cho 10 thửa, nếu số thửa thay đổi thì mức tính theo tỷ lệ thuận với mức trên.

Đối với trường hợp nếu mức thu một bộ hồ sơ, tài liệu có nhiều trang và nhiều tờ bản đồ vượt quá 300.000 đồng/hồ sơ, tài liệu thì thực hiện mức thu bằng 300.000 đồng/ hồ sơ, tài liệu.